
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	9
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa 04 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp Nhựa 04 theo Quyết định số 751/QĐ-UB ngày 06 tháng 02 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 410300039 ngày 21 tháng 3 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã sáu (06) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận thay đổi. Thay đổi lần thứ sáu gần đây nhất (ngày 26 tháng 2 năm 2009) về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh	20.818.000.000	VND
Số cổ phần	2.081.800	Cổ phần
Mệnh giá cổ phần	10.000	VND/Cổ phần

Cơ cấu tỷ lệ cổ phần trong Công ty tại thời điểm lập báo cáo như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Lâm Việt Trung - Đại diện vốn Nhà nước	197.630	1.976.300.000	9,49
Ông Lâm Việt Trung	320.646	3.206.460.000	15,40
Ông Nguyễn Chí Hải	177.082	1.770.820.000	8,51
Ông Lê Văn Lục	104.323	1.347.980.000	6,48
Các cổ đông khác	1.282.119	12.516.440.000	60,12
Cộng	2.081.800	20.818.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (84 - 8) 37 516 451/2
Fax : (84 - 8) 37 516 453
Mã số thuế : 0 3 0 2 2 4 9 3 1 4
E-mail : lvt@plastic04.com

Các hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Kinh doanh công nghiệp sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo;
- Sản xuất bao nhựa PP, sản phẩm từ nhựa các loại (trừ tái chế phế thải nhựa);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, khuôn mẫu, công cụ, phụ tùng các loại phục vụ ngành nhựa;
- Đại lý tiêu thụ các loại vải công nghiệp giả da PU, PVC, ụ nổi, xuống, ghe nhựa;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 24).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Việt Trung	Chủ tịch	30 tháng 9 năm 2011
Ông Nguyễn Chí Hải	Phó Chủ tịch	30 tháng 9 năm 2011
Ông Lê Văn Lực	Thành viên	30 tháng 9 năm 2011

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quốc Đạt	Trưởng ban	30 tháng 9 năm 2011
Bà Lâm Ngọc Lệ	Thành viên	30 tháng 9 năm 2011
Ông Đặng Đình Phúc	Thành viên	30 tháng 9 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Việt Trung	Tổng Giám đốc	30 tháng 9 năm 2011
Ông Nguyễn Công Đức	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 5 năm 2010
Ông Lê Văn Lực	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 5 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

XÁC NHẬN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

LÂM VIỆT TRUNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2013

Số: __/2013/BCKT/GS-Audit

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Nhựa 04 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Công ty cổ phần Nhựa 04. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

CƠ SỞ Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở hợp lý cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Nhựa 04, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit)

Nguyễn Quang Toàn - Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1057/KTV

_____ - **Kiểm toán viên**
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: __/KTV

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		235.653.699.717	133.746.713.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.184.913.546	4.400.071.748
1. Tiền	111		4.184.913.546	4.400.071.748
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.687.399.019	114.413.354.106
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	185.701.819.467	99.266.595.596
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	3.964.071.367	9.841.924.645
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	8.021.508.185	5.304.833.865
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		25.539.157.363	11.152.175.747
1. Hàng tồn kho	141	V.05	25.693.562.748	11.306.581.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.06	(154.405.385)	(154.405.385)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.242.229.789	3.781.111.624
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.170.072.442	3.212.920.043
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.072.157.347	568.191.581
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.657.217.598	53.263.484.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.833.733.233	9.257.979.233
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.07	6.833.733.233	9.257.979.233
II. Tài sản cố định	220		16.152.212.996	15.607.728.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	15.289.831.243	15.441.694.035
<i>Nguyên giá</i>	222		33.937.620.914	30.916.066.488
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.647.789.671)	(15.474.372.453)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	862.381.753	166.034.410
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	12.489.005.271	12.523.505.958
1. <i>Nguyên giá</i>	241		13.876.672.523	13.217.339.584
2. <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.387.667.252)	(693.833.626)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.580.000.000	11.140.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	11.100.000.000	6.660.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	4.400.000.000	4.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		80.000.000	80.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.602.266.098	4.734.271.157
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	4.602.266.098	4.734.271.157
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		291.310.917.315	187.010.198.018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		246.925.118.879	155.504.048.574
I. Nợ ngắn hạn	310		234.746.672.079	137.975.672.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	142.679.639.672	88.268.297.552
2. Phải trả người bán	312	V.15	76.750.307.255	40.814.498.001
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	10.074.714.676	4.589.181.391
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	2.263.079.347	1.519.727.885
5. Phải trả người lao động	315	V.18	1.322.268.338	1.230.036.485
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		257.240.778	153.266.728
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	1.399.422.013	1.400.664.677
II. Nợ dài hạn	330		12.178.446.800	17.528.375.855
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	12.178.446.800	17.060.385.920
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	467.989.935
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.385.798.436	31.506.149.444
I. Vốn chủ sở hữu	410		44.385.798.436	31.506.149.444
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	20.818.000.000	20.818.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.21	-	(3.891.049.382)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	6.505.315.336	6.505.315.336
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	2.075.268.342	2.075.268.342
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	14.987.214.758	5.998.615.148
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		291.310.917.315	187.010.198.018

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		107,958.52	197,465.20
<i>Euro (EUR)</i>		3,984.33	953.53
<i>Yên Nhật (JPY)</i>		334,336.00	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

PHAN ANH TÀI
Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	705.705.368.403	584.692.341.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	-	481.582.992
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	705.705.368.403	584.210.758.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	678.915.528.005	563.810.552.214
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.789.840.398	20.400.206.240
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.407.545.001	4.453.217.163
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15.540.226.735	10.799.741.680
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.743.724.449	9.414.804.616
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	1.599.687.190	2.211.833.713
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	4.156.652.838	2.953.552.104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.900.818.636	8.888.295.906
11. Thu nhập khác	31	VI.07	7.989.926.480	6.461.448.135
12. Chi phí khác	32	VI.08	7.084.380.795	5.849.023.264
13. Lợi nhuận khác	40		905.545.685	612.424.871
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.806.364.321	9.500.720.777
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	735.964.711	1.332.165.466
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	284.069.436
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.070.399.610	7.884.485.875
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	5.318	3.787

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

PHAN ANH TÀI
Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.806.364.321	9.500.720.777
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8;V10	3.867.250.844	3.640.228.992
- Các khoản dự phòng	03		-	102.021.194
- Lỗi chênh lệch TGHĐ chưa thực hiện	04	VI.4	4.133.323.125	683.226.901
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.000.000.000)	(64.565.556)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.743.724.449	9.414.804.616
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.550.662.739	23.276.436.924
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(82.294.257.340)	(49.185.318.845)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.386.981.616)	(801.701.545)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		44.683.466.898	12.422.003.238
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		132.005.059	185.817.122
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(10.743.724.449)	(9.414.804.616)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(253.718.590)	(1.065.998.184)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	7.992.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	(1.242.664)	(77.116.041)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		(36.313.789.963)	(24.652.689.947)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.9	(4.379.312.100)	(6.731.184.905)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	75.000.000
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.148.721.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(7.528.033.100)	(6.656.184.905)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	425.209.021.671	304.647.304.701
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14; 20	(379.498.416.124)	(268.216.117.029)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(2.081.800.000)	(4.996.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		43.628.805.547	31.434.867.672
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(213.017.516)	125.992.820
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	4.400.071.748	3.809.705.381
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(2.140.686)	464.373.547
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	4.184.913.546	4.400.071.748

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2013

PHAN ANH TÀI
Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Nhựa 04.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, cho thuê kho nhà xưởng, máy móc thiết bị
- Ngành nghề kinh doanh** :
 - Kinh doanh công nghiệp sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo;
 - Sản xuất bao nhựa PP, sản phẩm từ nhựa các loại (trừ tái chế phế thải nhựa);
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, khuôn mẫu, công cụ, phụ tùng các loại phục vụ ngành nhựa.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Năm 2012 là năm tài chính thứ mười hai (12) của Công ty.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 05

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại Thuyết minh số IV.5.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: Chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế trong 10 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi từ dự án đầu tư mang lại. Năm 2001 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Các hoạt động kinh doanh khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá mua tại ngày cuối kỳ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2012 như sau:

Ngân hàng	VND/USD	VND/EUR	VND/JPY
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bến Thành	20.800	27.301	240,32
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn (b)	20.800	-	-

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh VII.01.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	278.047.288	103.470.750
Tiền gửi ngân hàng	3.906.866.258	4.296.600.998
Cộng	<u>4.184.913.546</u>	<u>4.400.071.748</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	118.922.474.810	76.081.355.586
Khách hàng nước ngoài	66.779.344.657	23.185.240.010
Cộng	<u>185.701.819.467</u>	<u>99.266.595.596</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thành phần dinh dưỡng Đài Hoa	530.477.939	530.477.939
Changzhou Runyi Mechanical	-	47.712.000
Daewoo International Co., Ltd	-	3.631.882.500
Daco Holdings Limited	1.201.926.525	3.012.230.615
Nhà cung cấp khác	2.231.666.903	2.619.621.591
Cộng	<u>3.964.071.367</u>	<u>9.841.924.645</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức được chia từ Công ty cổ phần Bao bì Đại Lục	8.009.873.015	5.301.152.015
Các khoản phải thu khác	11.635.170	3.681.850
Cộng	<u>8.021.508.185</u>	<u>5.304.833.865</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.380.192.496	7.213.877.496
Công cụ, dụng cụ	15.781.091	15.781.091
Thành phẩm	11.297.589.161	4.076.922.545
Cộng	<u>25.693.562.748</u>	<u>11.306.581.132</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

Số đầu năm	154.405.385
Hoàn nhập trong năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Số cuối năm	<u>154.405.385</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Phải thu dài hạn**

Khoản phải thu tiền cho thuê tài chính của Công ty cổ phần Bao Bi Đại Lục.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Bảng chi tiết tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.123.553.799	14.471.308.204	863.256.699	457.947.786	30.916.066.488
Tăng trong năm	133.082.727	3.530.622.638	-	17.182.000	3.680.887.365
<i>Mua sắm mới</i>	<i>133.082.727</i>	<i>3.304.438.379</i>	-	<i>17.182.000</i>	<i>3.454.703.106</i>
<i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	-	<i>226.184.259</i>	-	-	<i>226.184.259</i>
Giảm trong năm	(659.332.939)	-	-	-	(659.332.939)
<i>Phân loại lại</i>	<i>(659.332.939)</i>	-	-	-	<i>(659.332.939)</i>
Số cuối năm	<u>14.597.303.587</u>	<u>18.001.930.842</u>	<u>863.256.699</u>	<u>475.129.786</u>	<u>33.937.620.914</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.335.790.302	5.275.783.398	425.426.451	437.372.302	15.474.372.453
Tăng trong năm	851.014.602	2.045.685.879	253.349.337	23.367.399	3.173.417.218
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>851.014.602</i>	<i>2.045.685.879</i>	<i>253.349.337</i>	<i>23.367.399</i>	<i>3.173.417.218</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>10.186.804.904</u>	<u>7.321.469.277</u>	<u>678.775.788</u>	<u>460.739.701</u>	<u>18.647.789.671</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>5.787.763.497</u>	<u>9.195.524.806</u>	<u>437.830.248</u>	<u>20.575.484</u>	<u>15.441.694.035</u>
Số cuối năm	<u>4.410.498.683</u>	<u>10.680.461.565</u>	<u>184.480.911</u>	<u>14.390.085</u>	<u>15.289.831.243</u>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	924.608.994	(226.184.259)	-	698.424.735
Công trình khác	166.034.410	-	-	(2.077.392)	163.957.018
Cộng	<u>166.034.410</u>	<u>924.608.994</u>	<u>(226.184.259)</u>	<u>(2.077.392)</u>	<u>862.381.753</u>

10. Bất động sản đầu tư

Giá trị nhà xưởng hoàn thành cho thuê tọa lạc tại đường số 6-8 Khu Công nghiệp Lợi Bình Nhơn, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

11. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tổng vốn điều lệ của công ty con	Số vốn Công ty góp	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Bao bi Đại Lục	20.000.000.000	11.100.000.000	55,50

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty liên kết	Tổng vốn điều lệ	Số vốn	
	của công ty liên kết	Công ty góp	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục	10.000.000.000	4.400.000.000	44,40

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong	Kết chuyển vào	Số cuối năm
		năm	chi phí SXKD trong năm	
Tiền thuê đất	4.663.007.907	-	(110.239.673)	4.552.768.234
Chi phí khác	71.263.250	114.758.000	(136.523.386)	49.497.864
Cộng	4.734.271.157	114.758.000	(246.763.059)	4.602.266.098

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	141.929.639.672	88.268.297.552
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Bến Thành ^(a)	75.440.692.912	48.899.752.512
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Nam Sài Gòn ^(b)	56.172.146.760	39.368.545.040
- Vay chiết khấu bộ chứng từ	10.316.800.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân	750.000.000	-
Cộng	142.679.639.672	88.268.297.552

(a) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Lô IV-4A KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại lô P2, đường số 8, KCN Lợi Bình Nhơn, TP. Tân An, tỉnh Long An và máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao PP, túi xách xuất khẩu.

(b) Khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng kế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các động sản thuộc dự án nhà máy nhựa gỗ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	88.268.297.552	424.459.021.671	3.826.976.083	(374.624.655.634)	141.929.639.672
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Bến Thành</i>	<i>48.899.752.512</i>	<i>257.557.736.802</i>	<i>2.434.112.442</i>	<i>(233.450.908.844)</i>	<i>75.440.692.912</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Nam</i>	<i>39.368.545.040</i>	<i>156.584.484.869</i>	<i>1.392.863.641</i>	<i>(141.173.746.790)</i>	<i>56.172.146.760</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Sài Gòn</i>					
Vay chiết khấu bộ chứng từ	-	10.316.800.000	-	-	10.316.800.000
Vay ngắn hạn cá nhân	-	750.000.000	-	-	750.000.000
Cộng	88.268.297.552	425.209.021.671	3.826.976.083	(374.624.655.634)	142.679.639.672

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Bao bì Đại Lục	72.112.359.848	35.972.334.407
Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục	1.190.368.802	968.088.189
Nhà cung cấp khác	3.447.578.605	3.874.075.405
Cộng	76.750.307.255	40.814.498.001

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	3.567.603.971	611.581.236
Khách hàng nước ngoài	6.507.110.705	3.977.600.155
Cộng	10.074.714.676	4.589.181.391

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	227.202.400	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.988.619.806	1.506.373.685
Thuế thu nhập cá nhân	47.257.141	13.354.200
Cộng	2.263.079.347	1.519.727.885

Tình hình thực hiện ngân sách Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	227.202.400	-	227.202.400
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.093.607.015	(2.093.607.015)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	460.843.160	(460.843.160)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.506.373.685	735.964.711	(253.718.590)	1.988.619.806
Thuế thu nhập cá nhân	13.354.200	114.680.896	(80.777.955)	47.257.141
Các loại thuế khác	-	194.095.700	(194.095.700)	-
Cộng	1.519.727.885	3.826.393.882	(3.083.042.420)	2.263.079.347

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành theo phương pháp khấu trừ thuế. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**+ Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số IV.12.

Dự tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.806.364.321	9.500.720.777
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.600.851.690)	(1.888.346.687)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>129.006.664</i>	<i>421.416.382</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(7.729.858.354)</i>	<i>(2.309.763.069)</i>
Tổng thu nhập tính thuế ^(a)	4.205.512.631	7.612.374.090
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.051.378.158	1.903.093.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm khác (*)	(315.413.447)	(570.928.057)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	735.964.711	1.332.165.466

(*) Công ty ghi nhận phần thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 được giảm theo quy định tại Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ và Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính.

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự thanh, kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương giữ lại và tiền lương tháng 12 năm 2012 còn phải thanh toán cho người lao động.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.400.664.677
Tăng khác	-
Chi quỹ trong năm	(1.242.664)
Số cuối năm	1.399.422.013

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành để đầu tư máy móc thiết bị với lãi suất cho vay trung hạn công bố tại thời điểm nhận nợ vay (đối với khoản vay VND) và lãi suất Sibor 6 tháng cộng (+) biên độ thay đổi theo thông báo ngân hàng (đối với khoản vay USD), thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị và giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất tọa lạc tại Lô IV - 4A, Khu Công nghiệp Hồ Nai,

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai của Công ty và Hợp đồng vay số 0084/TD9/10CD để xây dựng nhà máy sản xuất bao PP, túi xách xuất khẩu tại Long An với thời hạn vay 60 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	17.060.385.920
Số tiền vay phát sinh trong năm	-
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.873.760.490)
Chênh lệch tỷ giá	(8.178.630)
Số cuối năm	12.178.446.800

21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	20.818.000.000	6.505.315.336	2.075.268.342	(3.891.049.382)	5.998.615.148	31.506.149.444
Hoàn nhập trong năm	-	-	-	3.891.049.382	-	3.891.049.382
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.070.399.610	11.070.399.610
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.081.800.000)	(2.081.800.000)
Số dư cuối năm	20.818.000.000	6.505.315.336	2.075.268.342	-	14.987.214.758	44.385.798.436

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.976.300.000	1.976.300.000
Các cổ đông khác	18.841.700.000	18.841.700.000
Cộng	20.818.000.000	20.818.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.081.800	2.081.800
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.081.800	2.081.800
- Cổ phiếu phổ thông	2.081.800	2.081.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 không có một lượng cổ phiếu nào được Công ty mua lại.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	705.705.368.403	584.692.341.446
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>167.036.416.365</i>	<i>203.792.302.915</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>528.810.928.465</i>	<i>376.898.610.915</i>
<i>Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng</i>	<i>9.858.023.573</i>	<i>4.001.427.616</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(481.582.992)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>(481.582.992)</i>
Doanh thu thuần	<u>705.705.368.403</u>	<u>584.210.758.454</u>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>167.036.416.365</i>	<i>203.792.302.915</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>528.810.928.465</i>	<i>376.417.027.923</i>
<i>Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng</i>	<i>9.858.023.573</i>	<i>4.001.427.616</i>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa	276.828.021.925	237.260.923.864
Giá vốn thành phẩm ^(a)	393.750.775.956	323.792.362.209
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	8.336.730.124	2.655.244.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	102.021.194
Cộng	<u>678.915.528.005</u>	<u>563.810.552.214</u>

^(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	367.551.411.187	304.004.279.089
Chi phí nhân công trực tiếp	2.980.340.969	2.377.049.549
Chi phí sản xuất chung	31.070.148.806	21.053.882.545
Tổng chi phí phát sinh trong năm	<u>401.601.900.962</u>	<u>327.435.211.183</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	401.601.900.962	327.435.211.183
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(7.220.666.616)	(1.902.705.560)
Trừ thành phẩm xuất khác	(630.458.390)	(1.740.143.414)
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	<u>393.750.775.956</u>	<u>323.792.362.209</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.029.937	2.314.746.271
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.000.000.000	2.009.873.015
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.386.515.064	128.597.877
Cộng	<u>5.407.545.001</u>	<u>4.453.217.163</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.743.724.449	9.414.804.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	663.179.161	701.710.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.133.323.125	683.226.901
Cộng	<u>15.540.226.735</u>	<u>10.799.741.680</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.405.000.110	1.221.492.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.687.080	990.340.820
Cộng	<u>1.599.687.190</u>	<u>2.211.833.713</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.968.364.909	1.842.637.404
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.192.136	55.430.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.017.413	86.398.362
Thuế phí và lệ phí	169.555.307	4.680.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.812.523.073	964.405.595
Cộng	<u>4.156.652.838</u>	<u>2.953.552.104</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	75.000.000
Dịch vụ bảo vệ	559.000.000	516.250.000
Thu tiền điện, nước, điện thoại	7.072.987.748	5.838.588.820
Thu nhập khác	357.938.732	31.609.315
Cộng	<u>7.989.926.480</u>	<u>6.461.448.135</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	10.434.444
Chi phí điện, nước, điện thoại	7.084.380.795	5.838.588.820
Cộng	<u>7.084.380.795</u>	<u>5.849.023.264</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.070.399.610	7.884.485.875
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.070.399.610	7.884.485.875

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	2.081.800	2.081.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.318	3.787

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.081.800	2.081.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.081.800	2.081.800

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Bao bì Đại Lục	Công ty con
Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các Bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Bao bì Đại lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	407.032.777.547	316.347.483.488
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	40.703.277.862	31.634.745.449
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	179.304.363.355	176.858.038.648
Cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị	3.252.410.973	1.224.963.411
Cung cấp dịch vụ khác	6.446.963.638	5.461.296.186
Phải thu tiền cổ tức	4.000.000.000	2.009.873.015
Cho thuê tài chính	-	11.903.116.157
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	19.145.828.522	19.076.348.317
<i>Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	1.015.658.321	605.208.431
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	52.568.933	-
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	3.296.218.042	5.735.011.836
Bán, cho thuê nhà xưởng máy móc thiết bị	615.465.600	1.289.659.286
Cung cấp các dịch vụ khác	1.019.153.181	-
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	492.664.491	702.467.112

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nợ phải thu, phải trả với các Bên liên quan như sau:

Nợ phải thu	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần Bao bì Đại lục</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	94.450.703.201	47.711.483.157
Phải thu tiền cổ tức	8.009.873.015	5.301.152.015
Phải thu tiền cho thuê tài chính	6.833.733.233	9.257.979.233
<i>Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	13.199.824.238	12.120.212.334
Cộng	122.494.133.687	74.390.826.739
Nợ phải trả		Số cuối năm
<i>Công ty cổ phần Bao bì Đại lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm, máy móc thiết bị	72.112.359.848	35.972.334.407
<i>Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	1.190.368.802	968.088.189
Cộng	73.302.728.650	36.940.422.596

Việc mua bán hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sai sót

Năm 2012, Công ty ghi nhận bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm tài chính 2009, 2010 và 2011 theo Quyết định thanh tra của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
<i>Bảng cân đối kế toán</i>			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	972.762.346	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	646.571.946	1.519.727.885
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	7.844.533.433	5.998.615.148
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	679.440.254	1.332.165.466
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(688.692.910)	284.069.436
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.568	3.787

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	80,89	71,52
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	19,11	28,48
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,76	83,15
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	15,24	16,85
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,18	1,20
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,00	0,97
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,03
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,67	1,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,57	1,35
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,05	5,08
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,80	4,22
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	24,94	25,03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

PHAN ANH TÀI
 Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG
 Tổng Giám đốc